

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15-LÂM ĐỒNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2026/DS-ST
Ngày: 07-4-2026
V/v: Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15-LÂM ĐỒNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh và ông Nguyễn Văn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15-Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15-Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15-Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2024/TLST-DS ngày 15/01/2024 về việc “Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2026/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Nguyễn Hoàng D**, sinh năm 1990; số CCCD 060190003599; Địa chỉ: **Thôn H, xã T, tỉnh Lâm Đồng**.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Ngô Ngọc T**, sinh năm 1996. Địa chỉ: **Tổ dân phố T, phường L, tỉnh Lâm Đồng**.

- *Bị đơn:* Bà **Võ Thị Thu L**, sinh năm 1962; số CCCD 060162001537; Địa chỉ: **Thôn H, xã T, tỉnh Lâm Đồng**.

Tại phiên tòa có mặt tất cả các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2020, bà **Võ Thị Thu L** cần tiền xây nhà nên có nhờ bà **D** chơi dùm dây hụi do bà **Nguyễn Thị P**, trú tại **thôn H, xã T** (cũ) làm chủ hụi. Dây hụi này có 12 người tham gia, trong đó có cả bà **D**, số tiền đóng hụi chết hàng tháng là 25.000.000 đồng. Ngày mở hụi đầu tiên là ngày 01/9/2020 và ngày mãn hụi là

ngày 01/8/2021. Do bà **L** cần tiền nên đã thỏa thuận với bà **D** bỏ 2.000.000 đồng để xổ hội lần đầu tiên vào ngày 01/9/2020. Kết quả, bà **D** bỏ tiền cao nhất nên được hốt hội phiên đầu tiên và nhận của 11 người hội viên với số tiền 253.000.000 đồng, (mỗi người phải nộp số tiền 23.000.000 đồng). Bà **D** đưa lại cho chủ hội (bà **P**) 3.000.000 đồng, là tiền công theo thỏa thuận. Đồng thời, bà **L** cho bà **D** 5.000.000 đồng nên vào ngày 07/9/2020 bà **D** đã giao đủ 245.000.000 đồng cho bà **L** ngay tại nhà bà **L**.

Theo thỏa thuận, bà **L** phải có nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà **D** (25.000.000 đồng/tháng) theo đúng thời gian mở hụi hàng tháng cho đến khi mãn huê (hụi). Để đảm bảo bà **L** thực hiện đúng cam kết, ngày 01/9/2020 bà **D** yêu cầu bà **L** viết “Giấy chơi hụi dùm”. Tuy nhiên, sau đó bà **L** không thực hiện đúng cam kết mà chỉ trả được 5.000.000 đồng rồi không trả nữa dù bà **D** đã đòi nhiều lần. Do đó, bà **D** khởi kiện yêu cầu bà **L** trả 270.000.000 đồng (Đây là số tiền bà **D** đã đóng hụi chết cho đến khi mãn hụi là 275.000.000 đồng, trừ 5 triệu đồng bà **L** đã trả cho bà **D**) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 02/8/2021 cho đến khi xét xử (làm tròn là 04 năm 08 tháng) với mức lãi suất 10%/năm thành 126.000.000 đồng.

Để đảm bảo việc thi hành án, ngày 04/4/2025 bà **D** có đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với quyền sử dụng đất của bà **L** tại thửa đất số 202, tờ bản đồ 04, diện tích 199,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 451866 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B** cấp ngày 05/9/2017 mang tên bà **Võ Thị Thu L**.

2/ *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà **Võ Thị Thu L** trình bày như sau:*

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 27/3/2024: Bà **L** trình bày có tham gia chơi hụi ngày 01/9/2020 nhưng bà **L** không nhờ bà **D** chơi giùm hụi 25.000.000 đồng/tháng và bà không có nhận số tiền nào từ bà **D**. Bà **L** khai năm 2020, bà **L** có làm chủ 01 dây hụi với mức đóng 5.000.000 đồng/tháng; thời hạn mãn hụi khoảng 01 năm, dây hụi có 07 người tham gia, trong đó có bà **D**; khi dây hụi đóng được 07 tháng thì bế hụi, bà **L** chỉ thừa nhận có nợ bà dung 35.000.000 đồng tiền đóng hụi/07 tháng, có viết giấy xác nhận nợ tiền bà **D** và hứa sẽ trả mỗi tháng 3.000.000 đồng. Bà **L** khai đã trả được mỗi tháng 3.000.000 đồng và trả được 07 tháng với tổng số tiền 21.000.0000 đồng nhưng không có chứng cứ xác nhận.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2025, bà **L** trình bày: Năm 2020 bà **L** có làm chủ 01 dây hụi 5.000.000 đồng với 15 phần hụi, trong đó bà **D** có tham gia 01 phần hụi; Quá trình chơi hụi được 07 tháng thì bế hụi, nên bà **L** phải có trách nhiệm thanh toán lại cho bà dung 35.000.000 đồng. Sau đó bà **L** đã trả cho bà **D** được 05 tháng với số tiền 15.000.000 đồng. Nay bà **L** đồng ý trả cho bà **D** số tiền còn nợ 20.000.000 đồng.

Đối với “Giấy chơi hụi dùm ngày 01/9/2020” do nguyên đơn giao nộp làm căn cứ khởi kiện thì bà **L** chỉ thừa nhận những chữ viết in đậm được thể hiện trong nội dung sau là do bà **L** viết, cụ thể: “**Tôi Võ Thị Thu L có nhờ cháu D chơi dùm**

huê 25 triệu hốt tổng cộng được 270.000.000 đồng ngày – 07-2020 âm lịch, **tui hứa tui sẽ đóng đủ cho tui** măn hui – nếu sai tui xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật... **ký tên Võ Thị Thu L**". Còn những chữ khác không in đậm bà **L** cho rằng không phải là chữ viết của bà **L**.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/5/2025: Bà **L** trình bày: Trong “Giấy chơi hui dùm ngày 01/9/2020” do nguyên đơn giao nộp thì bà **L** chỉ thừa nhận đoạn ở trang đầu từ “**Tôi Võ Thị Thu L có nhờ cháu D chơi dùm... cho đến chịu trách nhiệm trước pháp luật**” là chữ viết của bà **L**. Tuy nhiên, trong đoạn văn trên thì chữ số “2” trong cụm từ “25 triệu” và chữ số 2 trong dãy số “270.000.000” không phải là chữ của bà **L**. Đối với nội dung của trang sau thì bà **L** chỉ thừa nhận “chữ ký và ghi tên **Võ Thị Thu L**” là của bà **L**, còn những nội dung khác không phải chữ viết của bà **L**.

Ngày 07/5/2025, bà **L** có đơn yêu cầu giám định các chữ viết số “2” tại các dòng số 17, 18 tính từ trên xuống (trừ các chữ viết số “2” tại vị trí “ngày 07.2020 âm lịch”) trong giấy chơi hui dùm ngày 01/9/2020.

- Tại kết luận giám định số 622/KL-KTHS ngày 17/6/2025 của **Phòng K Công an tỉnh B** đã kết luận: Không đủ cơ sở để kết luận Các chữ viết số “2” tại các dòng 17, 18 tính từ trên xuống (trừ các chữ viết số “2” tại vị trí: “ngày 07.2020 âm lịch”) trên tài liệu ký hiệu A (Mẫu cần giám định) so với chữ viết số “2” của bà **Võ Thị Thu L** trên tài liệu ký hiệu từ M1 đến M5 có phải do cùng một người ký hay không.

Ngày 10/9/2025, bà **Võ Thị Thu L** tiếp tục có đơn đề nghị trung cầu giám định đối với đơn vị thực hiện giám định là Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Tại kết luận giám định số 720/KL-KTHS ngày 26/12/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

+ Các chữ số “2” trong nội dung “ngày 07.2020 âm lịch” trên tài liệu ký hiệu A so với các chữ số “2” trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người viết ra.

+ Không đủ cơ sở kết luận chữ số “2” trong nội dung “Huê 25 triệu”, “270.000.000” so với các chữ số “2” trong nội dung “ngày 07.2020 âm lịch” trên cùng tài liệu ký hiệu A là có phải do cùng một người viết ra hay không.

3/ Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của một số người làm chứng do phía nguyên đơn yêu cầu gồm: Bà **Huỳnh Thị Thúy A**, bà **Trương Thị T1**, bà **Nguyễn Thị P** và thu thập “Sổ hui từ bà **Nguyễn Thị P**” để làm cơ sở xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng mình không có nhờ nguyên đơn chơi hội giùm và không nhận tiền hội 270.000.000 đồng theo trình bày của nguyên đơn. Bị đơn thừa nhận, trước đây bị đơn có làm chủ 01 dây hội, khi dây hội đóng được 07 tháng thì một số người bỏ trốn nên bà **L** bề hội và nợ bà **D** và người bà con của bà **D** 07 tháng đóng hội chết với tổng số tiền 70.000.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

1. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

2. Về nội dung: Bà **L** thừa nhận nội dung từ đoạn “Tôi **Võ Thị Thu L** có nhờ cháu **D** chơi dùm... cho đến chịu trách nhiệm trước pháp luật” là chữ viết của bà **L**. Đồng thời thừa nhận chữ ký và ghi tên **Võ Thị Thu L** (trang sau) chính là chữ ký, chữ viết của bà **L**. Bà **L** cho rằng chữ số “2” trong cụm từ “25 triệu” và chữ số 2 trong dãy số “270.000.000” không phải là chữ của bà **L**. Tuy qua 02 lần giám định vẫn không có cơ sở để xác định chữ số “2” trong nội dung “Huê 25 triệu”, “270.000.000” trong giấy chơi hội giùm ngày 01/9/2020 có phải do bà **L** viết ra hay không, nhưng căn cứ vào lời khai của những người cùng tham gia dây hội với bà **D** vào ngày 01/9/2020, cùng với sổ chơi hội do bà **P** giao nộp thì có cơ sở để xác định, nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: đương sự phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền*” là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn cư trú tại **Thôn H, xã T, tỉnh Lâm Đồng**. Do đó, căn cứ Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 và Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15-Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1 Đối với chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là “Giấy chơi hụi dùm ghi ngày 01/9/2020”:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Nội dung từ “Cộng Hòa Xã Hội... cho đến “dòng thứ 15 từ trên xuống” và nội dung “Xác nhận đã giao đủ số tiền” là chữ viết của bà **Trần Nguyễn Hoàng D.**

Nguyên đơn xác định nội dung: ““**Tôi Võ Thị Thu L có nhờ cháu D chơi dùm...** cho đến **chịu trách nhiệm trước pháp luật**” là do bà **L** viết. Còn bà **L** thì thừa nhận bà là người viết các nội dung này, trừ số “2” trong cụm từ “25 triệu” và số 2 trong dãy số “270.000.000” không phải là chữ của bà **L**.

2.2 Tại kết luận giám định số 622/KL-KTHS ngày 17/6/2025 của **Phòng K Công an tỉnh B** đã kết luận: Không đủ cơ sở để kết luận Các chữ viết số “2” tại các dòng 17, 18 tính từ trên xuống (trừ các chữ viết số “2” tại vị trí: “ngày 07.2020 âm lịch”) trên tài liệu ký hiệu A (Mẫu cần giám định) so với chữ viết số “2” của bà **Võ Thị Thu L** trên tài liệu ký hiệu từ M1 đến M5 có phải do cùng một người ký hay không.

2.3 Tại kết luận giám định số 720/KL-KTHS ngày 26/12/2025 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

Các chữ số “2” trong nội dung “ngày 07.2020 âm lịch” trên tài liệu ký hiệu A so với các chữ số “2” trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M5 là do cùng một người viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ số “2” trong nội dung “Huê 25 triệu”, “270.000.000” so với các chữ số “2” trong nội dung “ngày 07.2020 âm lịch” trên cùng tài liệu ký hiệu A là có phải do cùng một người viết ra hay không.

2.4 Quá trình tham gia tố tụng, bà **L** trình bày: Năm 2020, bà **L** là người làm chủ dây hụi 5 triệu đồng, dây hụi có 07 người tham gia với 15 phần hụi, trong đó có bà **D**. Sau khi chơi được 07 tháng thì bẻ hụi nên bà phải có nghĩa vụ trả lại cho bà **D** số tiền 35.000.000 đồng (đây là số tiền hụi chết mỗi tháng đóng 5 triệu, trong vùng 07 tháng). Bà **L** cam kết chỉ có tham gia dây hụi này, ngoài ra không tham gia bất kỳ dây hụi nào khác nhưng bà **L** không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Trong khi đó, bà **L** lại ghi trong giấy chơi hụi dùm ngày 01/9/2020 với nội dung: “**Tôi Võ Thị Thu L có nhờ cháu D chơi dùm huê...**”. Như vậy, lời khai của bà **L** trước sau mâu thuẫn và không có căn cứ.

2.5 Tuy cả 02 lần trưng cầu giám định đều không có đủ cơ sở kết luận chữ số “2” trong nội dung “Huê 25 triệu”, “270.000.000” so với các chữ số “2” trong nội dung “ngày 07.2020 âm lịch” trên cùng tài liệu ký hiệu A và trên tài liệu mẫu là có phải do cùng một người viết ra hay không, nhưng căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, lời khai của những người làm chứng là những người cùng tham gia dây hụi do bà **Nguyễn Thị P** làm chủ mở ngày 01/9/2020 và mần ngày 01/8/2020, cùng sổ hụi do bà **P** cung cấp và lời khai của bị đơn đã thừa nhận nội dung ““**Tôi**

Võ Thị Thu L có nhờ cháu **D** chơi dùm... cho đến **chịu trách nhiệm trước pháp luật** là do bà **L** viết, trừ số “2” trong cụm từ “25 triệu” và số 2 trong dãy số “270.000.000” không phải là chữ của bà **L** thì cũng có cơ sở để xác định: Bà **L** có nhờ bà **D** tham gia chơi dây hụi do bà **P** làm chủ, dây hụi này khai hụi ngày 01/9/2020 và mãn hụi vào ngày 01/8/2021, dây hụi có 12 người tham gia, số tiền đóng hụi chết hàng tháng là 25.000.000 đồng.

Căn cứ sổ hụi do bà **P1** giao nộp và lời khai của bà **D** thì có căn cứ xác định: Sau khi hốt hụi lần đầu thì bà **D** đã đóng hụi chết mỗi tháng 25.000.000 đồng và đang trong 11 tháng cho đến khi mãn hụi với tổng số tiền 275.000.000 đồng. Bà **D** thừa nhận bà **L** đã trả được 5.000.000 đồng. Do đó cần buộc bà **L** phải trả cho bà **D** số tiền 270.000.000 đồng còn lại là có căn cứ. Xét thấy yêu cầu tính tiền lãi chậm trả của bà **D** với mức lãi suất 10%/năm và tính lãi từ ngày 02/8/2021 cho đến khi xét xử sơ thẩm với tổng thời gian 04 năm 08 tháng là có căn cứ và có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận theo quan điểm của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật.

[4] Về biện pháp khẩn cấp tạm thời: Xét thấy cần tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 12/2025/QĐ-BPKCTT ngày 09/4/2025 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

[5] Về chi phí giám định: Do kết quả giám định không có đủ căn cứ để chứng minh yêu cầu giám định của bà **L** là đúng. Đồng thời yêu cầu khởi kiện của bà **D** được chấp nhận nên bà **L** phải chịu toàn bộ chi phí giám định. Cụ thể bà **L** phải chịu cho phí cho 02 lần giám định với tổng số tiền 3.911.000 đồng.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên về nguyên tắc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuy nhiên bà **L** là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn giảm án phí nên được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 161, Điều 162, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 280, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Trần Nguyễn Hoàng D.**

Buộc bà **Võ Thị Thu L** phải trả cho bà **Trần Nguyễn Hoàng D** số tiền 396.000.000 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu đồng). Trong đó tiền gốc là 270.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 126.000.000 triệu đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2]. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định số 12/2025/QĐ-BPKCTT ngày 09/4/2025 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận (cũ), nay là Tòa án nhân dân khu vực 15-Lâm Đồng, tỉnh Lâm Đồng về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ”.

[3]. Về chi phí giám định: Bà **Võ Thị Thu L** chịu toàn bộ chi phí giám định với số tiền đã chi là 3.911.000 đồng.

[4] Về án phí: Bà **Võ Thị Thu L** được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà **Trần Nguyễn Hoàng D** 8.250.000 đồng, tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0011267 ngày 11/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã La Gi, tỉnh bình Thuận.

[5]. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/4/2026).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND KV15-Lâm Đồng;
- Phòng THADS KV 15-Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, Tổ HCTP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phước Hiệu